

CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ NEWLAND VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ NEWLAND VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM NEWLAND REAL ESTATE AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM NEWLAND CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109745191

3. Ngày thành lập: 13/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 48, ngõ 1194, ngách 141, hẻm 17, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944371982

Fax:

Email: newlandvietnam.inv@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: -Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản (Trừ Đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).	6820
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
7.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
11.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến -Bán buôn xi măng -Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi -Bán buôn kính xây dựng -Bán buôn sơn, vécni -Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình điện	4221
17.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: -Hoạt động trang trí nội thất	7410
21.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
22.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
29.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510

32.	Quảng cáo	7310
33.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
34.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
35.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
40.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
41.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
42.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
43.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
44.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
45.	Sản xuất nhạc cụ	3220
46.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
47.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
48.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
50.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị y tế	3250
51.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
52.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
53.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
54.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
57.	Bán buôn tổng hợp	4690
58.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391

59.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
60.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
61.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
62.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Không bao gồm sản xuất vàng miếng ngành nghề thực hiện độc quyền Nhà nước)	3211
63.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
64.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
65.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
67.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
68.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
69.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Bốc xếp hàng hóa	5224
72.	Dịch vụ đóng gói	8292
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
76.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
77.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
78.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
79.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
80.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
81.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
82.	Lập trình máy vi tính	6201
83.	Xuất bản phần mềm (Trừ Xuất bản phẩm)	5820
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

85.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
86.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Việt Nam	Thôn Tây An, Xã Chí Minh, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	10.000.000.000	50,000	033182001540	
2	PHẠM HUY BÁCH	Việt Nam	Thôn Tây An, Xã Chí Minh, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	10.000.000.000	50,000	030200005986	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM HUY BÁCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030200005986

Ngày cấp: 01/09/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Tây An, Xã Chí Minh, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 48, ngõ 1194, ngách 141, hẻm 17, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội